證人結文（訊問 前/後 ）

今為　年度　字第　　號

事件作證，當/係據實陳述，絕/並無匿、飾、增、減，如有虛偽陳述，願受偽證之處罰，謹此具結。

○○高等行政法院高等行政訴訟庭/地方行政訴訟庭

證人：

中華民國　　年　　月　　日

注意事項：

一、證人應各別具結，如到庭作證，並應朗讀結文，其不能朗讀者，由書記官朗讀，並說明其意義。

二、證人應在結文簽名，如到庭作證而不能簽名者，由書記官代書姓名，交由證人蓋章或按指印。

三、刑法第168條規定「於執行審判職務之公署審判時，或於檢察官偵查時，證人、鑑定人、通譯於案情有重要關係之事項，供前或供後具結，而為虛偽陳述者，處7年以下有期徒刑。」。

四、前項罪名，依據刑法第41條第1項規定為不得易科罰金之罪。

說明：

供前具結者，將「係」、「並」字刪除；供後具結者，將「當」、「絕」字刪除。

Bản cam kết của người làm chứng

(trước/sau khi xét hỏi)

Hôm nay, Tôi là người làm chứng về sự việc số chữ năm , phải/là trình bày đúng sự thật, tuyệt đối/đều không giấu giếm, tô điểm, hay thêm bớt, nếu có trình bày sai sự thật, xin chịu hình phạt về tội khai báo gian dối, xin được cam kết.
Phiên tòa tố tụng hành chính địa phương/Phiên tòa tố tụng hành chính cấp cao của Tòa án hành chính cấp cao ○○

Người làm chứng :

Trung Hoa Dân Quốc ngày tháng năm

Điều cần chú ý :

1.Người làm chứng phải cam kết riêng biệt, khi ra tòa làm chứng, phải đọc to nội dung bản cam kết, nếu người không thể tự đọc, thì do thư ký tòa án đọc, và giải thích ý nghĩa nội dung cam kết.

2.Người làm chứng phải ký tên vào bản cam kết, nếu người đến phiên tòa làm chứng mà không thể ký tên, thì do thư ký tòa án sẽ ghi thay họ tên, và giao cho người làm chứng đóng dấu hoặc điểm chỉ.

3.Điều 168 Luật Hình sự quy định「Trong khi cơ quan tiến hành xét xử thực hiện chức năng xét xử, hoặc khi kiểm sát viên đang tiến hành điều tra, người làm chứng, người giám định, người phiên dịch đối với các tình tiết liên quan quan trọng đến vụ án, người đã cam kết trước hoặc sau khi khai báo, mà trình bày sai sự thật, bị xử phạt tù từ 7 năm trở xuống」.

4.Tội danh nêu trên, theo quy định tại khoản 1 điều 41 Luật Hình sự, là tội không được thay thế bằng hình phạt tiền.

Giải thích :

Người cam kết trước khi khai báo, thì xóa bỏ chữ「là」,「đều」; người cam kết sau khi khai báo, thì xóa bỏ chữ「 phải」,「tuyệt đối」.